

Số: 30/2025/QĐST-HNGĐ

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và tài sản chung” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1977;
- Bị đơn: Ông Bùi Bá T (Bùi Văn T1), sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các **Điều 55; Điều 57; Điều 59**; của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 08 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 08 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Bùi Văn T1 (Bùi Bá T)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Thị Trúc L sinh năm 1997 và Bùi Thị Trúc P sinh năm 2000.

Các con đã trưởng thành nên chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Chia cho chị Đỗ Thị H quyền sử dụng diện tích 2.555m² theo vị trí các mốc 1,2,3,4,5,6,7,1 (sơ đồ đo đạc ngày 03/01/2024) thuộc thửa đất 350 tờ bản đồ số 17 được UBND huyện C cấp cho chị Đỗ Thị H và anh Bùi Văn T1 đứng tên quyền sử dụng ngày 06/07/2010.

Chị Đỗ Thị H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị Đỗ Thị H có nghĩa vụ giao cho anh Bùi Văn T1 số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với các tài sản chung khác chị H và anh T1 đã tự thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: chị H và anh T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Về án phí: Chị Đỗ Thị H và anh Bùi Văn T1 mỗi người phải nộp 75.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngoài ra chị H còn phải nộp 5.407.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đỗ Thị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0015485 ngày 09/02/2023 và 5.959.000đ theo biên lai số 0015485 ngày 09/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được khấu trừ vào tiền án phí chị H phải nộp. Chị Đỗ Thị H được nhận lại 777.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá tài sản là 4.911.000đ. Chị Đỗ Thị H tự nguyện nộp, chị H đã tạm nộp và đã chi xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Chi cục 8;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Phú Trung (số 1067 ngày 27/12/2002);
- Lưu: VT, HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan